

HỌ VÀ TÊN: .....

LỚP: .....

## TOÁN: BẢNG ĐƠN VỊ ĐO ĐỘ DÀI

### Bài 1: Số ?

1 km = ... hm  
1 km = ... m  
1 hm = ... dam  
1 hm = ... m  
1 dam = ... m

1 m = ... dm  
1 m = ... cm  
1 m = ... mm  
1 dm = ... cm  
1 cm = ... m

### Bài 2: Số ?

8 hm = .....m

9 hm = .....m

7 dam = .....m

3 dam = .....m

8 m = .....dm

6 m = .....cm

8 cm = .....mm

4 dm = .....mm

### Bài 3: Tính (theo mẫu)

Mẫu:  $32 \text{ dam} \times 3 = 96 \text{ dam}$

$96 \text{ cm} : 3 = 32 \text{ cm}$

$25 \text{ m} \times 2 =$

$36 \text{ hm} : 3 =$

$15 \text{ km} \times 4 =$

$70 \text{ km} : 7 =$

$34 \text{ cm} \times 6 =$

$55 \text{ dm} : 5 =$

### \*\*\*BÀI TẬP VẬN DỤNG NÂNG CAO

Viết số thích hợp vào chỗ chấm

a)  $2 \text{ m } 5 \text{ dm} = \dots\dots\dots \text{ dm}$

$3 \text{ dm } 7 \text{ cm} = \dots\dots\dots \text{ cm}$

b)  $1 \text{ m } 6 \text{ dm} = \dots\dots\dots \text{ dm}$

$8 \text{ m } 32 \text{ cm} = \dots\dots\dots \text{ cm}$

c)  $4 \text{ hm} = \dots\dots\dots \text{ m}$

$6 \text{ dam} = \dots\dots\dots \text{ mm}$

$5 \text{ dm } 4 \text{ mm} = \dots\dots\dots \text{ mm}$

d)  $2 \text{ km} = \dots\dots\dots \text{ m}$

$4 \text{ hm } 5 \text{ dam} = \dots\dots\dots \text{ dam}$

$2 \text{ hm } 4 \text{ m} = \dots\dots\dots \text{ m}$